

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/DS-ST

Ngày: 23-5-2023

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Ngọc Điệp;
- Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh B, sinh năm 1958; địa chỉ: Số X, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Liên Đăng Phước H, sinh năm 1995; địa chỉ: Số X1, phường PH, thành phố M, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phùng Văn H1, sinh năm 1992; trú tại: phường UH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, Luật sư Công ty luật TNHH MTV HT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Như N, sinh năm 1985; địa chỉ: Số X3, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Việt H2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thị xã B, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lê Khắc Q, sinh năm 1977. *Người đại diện hợp pháp của ông Lê Khắc Q:* Bà Lê Hồng H3, sinh năm 1984, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/7/2022); có mặt.

3.2. Bà Lê Hồng H3, sinh năm 1984; có mặt.

Cùng trú tại: Số X4, Tổ X5, Khu X6, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/10/2022, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 01/11/2022, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lê Thanh B do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C là vợ chồng. Vào ngày 25/8/2015, bà Nguyễn Thị Trung C chết (không để lại di chúc) theo Giấy chứng tử số 84, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường P cấp ngày 26/8/2015. Ông B và bà C có hai người con chung là ông Lê Khắc Q và bà Lê Thị Như N. Ngoài những người con nêu trên thì Ông B và bà C không còn người con nào khác, kể cả con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú. Cha của bà C là ông Nguyễn Văn T (không rõ năm sinh, chết năm 2001), mẹ của bà C là bà Trần Thị N1, (không rõ năm sinh, chết năm 1986), cả hai đều không có giấy chứng tử.

Khi còn sống, bà C đã cùng Ông B tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích 267,96m² tọa lạc tại số X, tổ Y, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương và một căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng 159,96m² có kết cấu mái tole, tường xây tô hoàn thiện, nền gạch men tọa lạc trên thửa đất nêu trên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004 cho ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C.

Nghĩa vụ khi bà C chết để lại: Trong quá trình làm ăn, để có vốn vận hành Doanh nghiệp tư nhân thu mua nông sản BC, vợ chồng Ông B có thể chấp tài sản nêu trên vào năm 2009, để vay số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) của Ngân hàng TCMP BA - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, do việc làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng Ông B không thể trả được nợ cho ngân hàng nên ngân hàng đã khởi kiện doanh nghiệp ra Tòa án. Ngày 27/10/2017, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã xét xử bằng bản án sơ thẩm số 28/2017/KDTM-ST, buộc con dâu Ông B là bà Lê Hồng H3 (chủ doanh nghiệp) phải thanh toán số nợ (bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi) là 8.309.315.275 đồng (Tám tỷ ba trăm lẻ chín triệu ba trăm mười lăm nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng). Doanh nghiệp này vợ chồng Ông B có nhờ con dâu là bà Lê Hồng H3 đứng tên chủ doanh nghiệp nhưng bà H3 không tham gia vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, số nợ Ông B và bà C vay, Ông B và bà C nhận toàn bộ tiền, không liên quan đến bà H3. Khi bản án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nêu trên có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng đã yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một tổ chức thi hành bản án. Tuy nhiên, vợ chồng Ông B không đủ điều kiện thi hành án nên Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi nhà đất nêu trên để đảm bảo điều kiện thi hành án. Trước việc nhà và đất sắp bị phát mãi nên con trai Ông B là Lê Khắc Q cùng con dâu Lê Hồng H3 đã bàn bạc với Ông B, theo hướng vợ chồng Q sẽ bỏ ra một số tiền trả nợ thay vợ chồng Ông B để chuộc lại nhà và đất thế chấp nêu trên. Sau khi thỏa thuận với Ngân hàng thì tổng cộng số tiền vợ chồng Q bỏ ra để trả nợ thay vợ chồng Ông B và chuộc lại quyền sử dụng đất và nhà ở nêu trên là 3.666.309.315đ (ba tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn ba trăm mười lăm đồng). Việc thỏa thuận thi hành án có lập biên bản và các bên cùng thống nhất ký xác nhận. Do đó, Ông B được nhận lại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Để thanh toán lại số tiền vợ chồng Q đã bỏ ra trả nợ thay cho vợ chồng

Ông B, Ông B có hợp mặt gia đình, đưa ra phương án chuyển quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở nêu trên cho vợ chồng Q. Tuy nhiên, con gái Ông B là Lê Thị Như N không đồng ý, không chịu ký vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhằm hợp thức hóa việc chuyển quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở nêu trên cho vợ chồng Q để thanh toán lại số tiền vợ chồng Q bỏ ra trả nợ thay cho vợ chồng Ông B. Nhận thấy, tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004 mặc dù tài sản chung của Ông B và bà C, tuy nhiên do vợ chồng ông Lê Khắc Q, bà Lê Hồng H3 chỉ ra số tiền 3.666.309.315đ (ba tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) trả nợ thay vợ chồng Ông B để chuộc lại từ Ngân hàng TCMP BA Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bà N không đồng ý chuyển quyền lại cho ông Q, bà H3.

Vì lẽ đó, nay Ông B làm đơn này khởi kiện bà Lê Thị Như N đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau:

- Xác nhận $\frac{1}{2}$ số nợ Ngân hàng TCMP BA mà vợ chồng ông Lê Khắc Q, bà Lê Hồng H3 đã chỉ ra trả nợ thay cho vợ chồng Ông B tương đương số tiền 3.666.309.315 đồng : 2 = 1.833154.657 đồng là nghĩa vụ do bà Nguyễn Thị Trung C chết để lại.

- Xác nhận $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và nhà cấp 4 gắn liền với đất tại địa chỉ số X tổ Y, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004) là di sản của bà Nguyễn Thị Trung C chết để lại. Ước tính giá trị di sản là 4.000.000.000 đồng : 2 = 2.000.000.000 đồng.

- Phân chia di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và nhà cấp 4 gắn liền với đất tại phường P, Tp. M, tỉnh Bình Dương (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004) sau khi khấu trừ nghĩa vụ của bà C để lại nêu trên thành ba phần thừa kế theo pháp luật cho Ông B, ông Q, bà N mỗi người được hưởng phần di sản do bà C để lại theo giá của Hội đồng định giá. Ông B đồng ý nhận phần di sản của bà C, yêu cầu được nhận bằng hiện vật và tặng cho lại toàn bộ cho ông Q, đồng thời tặng cho toàn bộ di sản của Ông B trong tài sản chung với bà C là quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở nêu trên cho ông Q và yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H3 xóa toàn bộ số nợ của cá nhân Ông B trong tổng số tiền nợ chung với bà C.

Tại Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, Ông B trình bày: Quá trình giải quyết tranh chấp, diện tích đất sau khi đo đạc tăng thêm 64,54m², do đó Ông B khởi kiện bổ sung yêu cầu:

- Xác nhận $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất đối với 64,54m² đất tăng thêm là tài sản của Ông B trong khối tài sản chung với bà C. Ước tính giá trị tài sản là 968.100.000 đồng (32,27m² × 30.000.000đ/m²).

- Yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà C là đất với phần diện tích đất tăng thêm là 32,27m². Yêu cầu cho Ông B nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất là 10,76m² (32,27m²/3), ước tính giá trị di sản là 322.700.000 đồng (32,27m² × 30.000.000 đồng/m² : 3).

Tại Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn Ông B trình bày:

- Rút lại yêu cầu Tòa án xác nhận $\frac{1}{2}$ số nợ Ngân hàng TCMP BA mà vợ chồng ông Lê Khắc Q, bà Lê Hồng H3 đã bỏ ra trả nợ thay cho vợ chồng Ông B tương đương số tiền 3.666.309.315 đồng : 2 = 1.833154.657 đồng là nghĩa vụ do bà Nguyễn Thị Trung C chết để lại.

- Rút lại yêu cầu tặng cho toàn bộ tài sản của Ông B trong khối tài sản chung với bà C cùng toàn bộ di sản của Ông B là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nêu trên cho ông Q.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Trung C để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà làm 03 phần bằng nhau theo giá của hội đồng định giá. Chia thừa kế bằng hiện vật cho tất cả các đồng thừa kế.

- Rút lại yêu cầu Tòa án xác nhận $\frac{1}{2}$ số nợ Ngân hàng TCMP BA mà vợ chồng ông Lê Khắc Q, bà Lê Hồng H3 đã bỏ ra trả nợ thay cho vợ chồng Ông B tương đương số tiền 3.666.309.315 đồng : 2 = 1.833154.657 đồng là nghĩa vụ do bà Nguyễn Thị Trung C chết để lại.

- Rút lại yêu cầu tặng cho toàn bộ tài sản của Ông B trong khối tài sản chung với bà C cùng toàn bộ di sản của Ông B là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nêu trên cho ông Q.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Lê Thị Như N do đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Việt H2 trình bày:

Bà N là con của ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C. Bà N thống nhất về quan hệ huyết thống như Ông B trình bày. Đối với tài sản Ông B yêu cầu chia thừa kế là phần đất có diện tích 267,96m², đất tọa lạc tại số X, tổ Y, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương và một căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng 159,96m² có kết cấu mái tole, tường xây tô hoàn thiện, nền gạch men tọa lạc trên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004 là tài sản chung của Ông B, bà C.

Bà Lê Hồng H3 (chị dâu của bà N) là chủ Doanh nghiệp tư nhân BC có vay tiền và dùng tài sản là quyền sử dụng đất và nhà của ba mẹ bà N để thế chấp cho Ngân hàng nên phải có trách nhiệm trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng TMCP BA (Quyết định thi hành án số 1386/QĐ-CC THADS) ngày 12/6/2020. Ông Lê Khắc Q là chồng bà H3 đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Lê Hồng H3 và giải chấp tài sản thế chấp trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, tài sản Ông B khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế hiện nay vẫn còn là của Ông B, bà C. Thực tế, Ông B và ông Q sở hữu nhiều tài sản khác do bà C chết để lại nhưng đã bị tẩu tán hết. Bà N và các con hiện đang có hộ khẩu tại số X đường VCK, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương (nơi đang tranh chấp) nên yêu cầu không chia tài sản này. Do đó, Bà N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng ngoài tài sản này, Ông B và bà C còn nhiều tài sản nên việc chia theo yêu cầu của nguyên đơn sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Bị đơn chỉ đồng ý nhận hiện vật nếu được chia đất, nhà với diện tích 117m² hoặc nếu phải chia giá trị thì yêu cầu được nhận số tiền 4.500.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Khắc Q trình bày: Ông Q là con của ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C. Ông Q thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông Q không có yêu cầu độc lập hay ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng H3 trình bày: Bà H3 là vợ của ông Lê Khắc Q, là con dâu của ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C. Khi bà Nguyễn Thị Trung C còn sống thì Ông B, bà C có làm giấy phép kinh doanh tên là Doanh nghiệp tư nhân thu mua Nông sản BC, người đứng tên giấy phép kinh doanh là bà Lê Thị Hồng H3 nhưng bà H3 chỉ đứng tên giùm. Do Ông B, bà C cần vốn kinh doanh nên bà H3 vay tiền ngân hàng và có thế chấp tài sản là nhà, đất do Ông B, bà C đứng tên. Quá trình kinh doanh thua lỗ nên ngân hàng khởi kiện bà H3 tại Tòa án. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành, do hai bên không giải quyết được, kéo dài cho đến sau này bà C mất. Bà H3 chỉ biết sự việc khi bên Thi hành án yêu cầu bà H3 đóng án phí và kê biên tài sản trả nợ. Vì số tiền phải trả quá nhiều và gặp khó khăn nên bà H3 có thương lượng với Ngân hàng giảm số tiền nợ, Ngân hàng đồng ý cho bà H3 trả số tiền 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng), tiền án phí thi hành án sơ thẩm 116.309.315 đồng (một trăm mười sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn ba trăm mười lăm đồng). Tổng số tiền bà H3 bỏ ra để trả nợ và lấy lại căn nhà này là 3.666.309.315đ (ba tỷ sáu trăm sáu sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) để xóa nợ.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ông B về việc xác nhận $\frac{1}{2}$ số nợ Ngân hàng TCMP BA mà vợ chồng ông Lê Khắc Q, bà Lê Hồng H3 đã bỏ ra trả nợ thay cho vợ chồng Ông B là nghĩa vụ do bà Nguyễn Thị Trung C chết để lại, bà H3 thống nhất, bà H3 không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Phùng Văn H1 trình bày: Thống nhất với trình bày của đại diện nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản bằng hiện vật cho nguyên đơn, bị đơn, người liên quan ông Lê Khắc Q.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/4/2022: Phần đất tranh chấp thuộc thửa 137, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại phường P, thành phố M có tứ cận như sau: Phía Đông giáp ông Huỳnh Công D; Phía Tây giáp bà Nguyễn Thị T1; Phía Nam giáp đường bê tông; Phía Bắc giáp đường bê tông. Trên đất tranh chấp có 01 (một) Căn nhà cấp 4, kết cấu mái tole, tường gạch xây tô, nền gạch men diện tích 200,7m² (nhà phạm KLXD DT: 39,8m²).

Tại mảnh trích đo địa chính ngày 15/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M thể hiện: Phần đất tranh chấp thuộc thửa 137 tờ bản đồ số 34 có tổng diện tích là 332,5m².

Biên bản định giá ngày 01/7/2022 kết quả như sau:

- Đất ở đô thị có giá 40.000.000 đồng/m².
- Đất trồng cây lâu năm có giá 30.000.000 đồng/m².
- Tài sản trên đất: Căn nhà cấp 4, kết cấu mái tole, tường gạch xây tô, nền gạch men có giá $4.330.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\% \text{ giá trị} \times 200,7\text{m}^2 = 434.515.500 \text{ đồng}$.

Các đương sự thống nhất với biên bản xem xét thẩm định, mảnh trích đo địa chính ngày 15/6/2022 và kết quả định giá.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nhận thấy, các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về nội dung giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Thanh B khởi kiện bà Lê Thị Như N yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 267,96m² (đo đạc thực tế là 332,5m²) tọa lạc phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương và một căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa nêu trên (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004) cho ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hàng thừa kế và di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C là vợ chồng. Cha của bà C là ông Nguyễn Văn T (không rõ năm sinh, chết năm 2001), mẹ của bà C là bà Trần Thị N1 (không rõ năm sinh, chết năm 1986), cả hai đều không có giấy chứng tử. Quá trình chung sống, bà C và Ông B có hai con chung là ông Lê Khắc Q và bà Lê Thị Như N. Ngoài những người con nêu trên thì Ông B và bà C không còn người con nào khác, kể cả con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Trung C gồm: Ông Lê Thanh B, bà Lê Thị Như N, ông Lê Khắc Q. Ngoài ta, các đương sự cùng xác định quyền sử dụng đất diện tích 267,96m² (đo đạc thực tế là 332,5m²) tọa lạc tại số X, tổ Y, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương cùng một căn nhà cấp 4 (diện tích đo đạc 200,7m²) gắn liền trên đất (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004) cho ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C là tài sản chung của Ông B và bà C. Sự thừa nhận của

các đương sự về hàng thừa kế, di sản thừa kế là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu xác định $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là di sản bà C và yêu cầu chia thành 3 phần: Ông B, ông Q, bà N mỗi người một phần, chia tất cả bằng hiện vật. Bị đơn thống nhất về tài sản, hàng thừa kế nhưng yêu cầu chia bằng hiện vật với diện tích được nhận là $117m^2$ hoặc nếu phải chia giá trị thì yêu cầu được nhận số tiền 4.500.000.000 đồng.

Nhận thấy, bà C chết vào ngày 25/8/2015 nên $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất diện tích $166,25m^2$ ($332,5m^2 : 2$) tọa lạc phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương và một phần căn nhà cấp 4 diện tích $100,35m^2$ ($200,7m^2 : 2$) tọa lạc trên thửa đất nêu trên (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004) cho ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C là di sản của bà Nguyễn Thị Trung C theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do bà C chết không để lại di chúc nên di sản của bà C được chia theo pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hàng thừa kế thứ nhất của bà C gồm có ba người nên được chia đều cho Ông B, ông Q, bà N thành 03 kỷ phần bằng nhau.

Xét thấy, nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật cho Ông B, bà N và ông Q nhưng diện tích đất và nhà không đảm bảo diện tích sử dụng và cấp quyền sử dụng đất khi phân chia đều bằng hiện vật (đất) cho tất cả các đồng thừa kế. Đồng thời việc chia bằng hiện vật sẽ phá vỡ kết cấu của ngôi nhà hiện hữu trên đất. Bên cạnh đó, do phần tài sản của bà C nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng nên phần tài sản còn lại là của Ông B, hiện tại Ông B đang sinh sống, quản lý tài sản trên nên Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia tài sản cho Ông B bằng hiện vật, các đồng thừa kế còn lại được nhận giá trị. Như vậy, Ông B có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho ông Q, bà N cụ thể như sau:

- Về đất: Diện tích $166,25m^2$ (trong đó đất ODT: $133,98m^2$, đất CLN: $32,27m^2$)

Đất ODT: $133,98m^2 \times 40.000.000đ/m^2 = 5.359.200.000$ đồng

Đất CLN: $32,27m^2 \times 30.000.000đ/m^2 = 968.100.000$ đồng.

Tổng giá trị đất: 6.327.300.000đ (sáu tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

- Về nhà: Diện tích $100,35m^2 \times 4.330.000đ/m^2 \times 50\% = 215.257.750đ$ (hai trăm mười lăm triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng giá trị di sản bà Nguyễn Thị Trung C để lại là 6.542.557.750đ (sáu tỷ, năm trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng). Chia đều thành 03 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 2.180.852.583đ (hai tỷ, một trăm tám mươi triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

[2.3] Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Lê Thanh B phải có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị cho ông Lê Khắc Q, bà Lê Thị Như N mỗi người là 2.180.852.583đ (hai tỷ, một trăm tám mươi triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

[2.4] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn có yêu cầu:

- Rút lại yêu cầu Tòa án xác nhận $\frac{1}{2}$ số nợ Ngân hàng TCMP BA mà vợ chồng ông Lê Khắc Q, bà Lê Hồng H3 đã chi ra trả nợ thay cho Ông B, bà C với số tiền 3.666.309.315 đồng : 2 = 1.833154.657 đồng là nghĩa vụ do bà Nguyễn Thị Trung C chết để lại.

- Rút lại yêu cầu tặng cho toàn bộ tài sản của Ông B trong khối tài sản chung với bà C cùng toàn bộ di sản của Ông B (là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nêu trên) cho ông Q.

Nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.5] Đối với ý kiến của người đại diện hợp pháp bị đơn cho rằng bà C còn tài sản khác và đề nghị giải quyết nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu đương sự có chứng cứ chứng minh thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[2.6] Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp thừa kế tài sản là có căn cứ chấp nhận một phần.

[2.7] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần về việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho Ông B, chia bằng giá trị cho các đồng thừa kế còn lại.

[2.8] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: Tổng chi phí là 4.582.419 đồng. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng trên giá trị tài sản được chia theo quy định Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông Lê Thanh B đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án nên ông Lê Khắc Q và bà Lê Thị Như N mỗi người phải có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Thanh B số tiền chi phí tố tụng là 1.527.473 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Thanh B, ông Lê Khắc Q, bà Lê Thị Như N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản thừa kế được chia là 2.180.852.583 đồng tương đương số tiền án phí là 75.617.052 đồng. Ông Lê Thanh B là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; các Điều 33, 65, 66 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh B đối với bị đơn bà Lê Thị Như N về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

- Xác định $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất có diện tích 166,25 m² tọa lạc tại phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương và một phần căn nhà cấp 4 có diện tích 100,35m² tọa lạc trên thửa đất nêu trên (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004 cho ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C) là di sản của bà Nguyễn Thị Trung C. Trị giá đất và tài sản trên đất là 6.542.557.750đ (sáu tỷ, năm trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Ông Lê Thanh B được quyền quản lý, sử dụng phần đất qua đo đạc thực tế là 332,5m² (trong đó đất ODT 267,96m², CLN: 64,54m²) tọa lạc tại phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số XXX/GGN/2004 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/06/2004 cho ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Trung C).

- Phần đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp ông Huỳnh Công D;

+ Phía Tây giáp bà Nguyễn Thị T2;

+ Phía Nam giáp đường bê tông;

+ Phía Bắc giáp đường bê tông.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ông Lê Thanh B có nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký kê khai với cơ quan có thẩm quyền đối với diện tích đất được phân chia để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Buộc ông Lê Thanh B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Như N số tiền 2.180.852.583đ (hai tỷ, một trăm tám mươi triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

- Buộc ông Lê Thanh B phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Khắc Q số tiền 2.180.852.583đ (hai tỷ, một trăm tám mươi triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với:

- Yêu cầu Tòa án xác nhận $\frac{1}{2}$ số nợ Ngân hàng TCMP BA mà vợ chồng ông Lê Khắc Q, bà Lê Hồng H3 đã chi ra trả nợ thay cho Ông B, bà C với số tiền 3.666.309.315 đồng : 2 = 1.833154.657 đồng là nghĩa vụ do bà Nguyễn Thị Trung C chết để lại.

- Yêu cầu tặng cho toàn bộ tài sản của Ông B trong khối tài sản chung với bà C cùng toàn bộ di sản của Ông B (là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nêu trên) cho ông Q.

3. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá):

- Ông Lê Thanh B phải chịu 1.527.473đ (một triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

- Ông Lê Khắc Q và bà Lê Thị Như N mỗi người phải chịu 1.527.473đ (một triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng), buộc ông Q và bà N nộp lại để hoàn trả cho ông Lê Thanh B.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Thanh B là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Lê Thị Như N phải chịu 75.617.052đ (bảy mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, không trăm năm mươi hai đồng).

- Buộc ông Lê Khắc Q phải chịu 75.617.052đ (bảy mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, không trăm năm mươi hai đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo

